

Số: /QĐ-TGPL

Bình Định, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2025 của
Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-STP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán NSNN năm 2025 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Định (có biểu mẫu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổng hợp- Hành chính, kế toán đơn vị và viên chức, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm liên quan thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (b/c);
- GD, PGD Trung tâm
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC

Lê Thành Trung

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018

Đơn vị: **TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NN TỈNH BÌNH**

ĐỊNH

Chương: **414**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- TGPL ngày/01/2025 của Trung tâm TGPL)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.971.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.971.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4	Chi bảo đảm xã hội	
5	Chi hoạt động kinh tế (khoản 338)	8.971.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.242.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.242.000.000
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao (13)	3.438.000.000
	+ Khoản kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ (13)	252.000.000
	+ Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL tại đơn vị (nguồn 14)	55.000.000
	+ Kinh phí hoạt động	497.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ TGPL)	4.729.000.000
	Khoản 338	4.729.000.000
	- KP hoạt động của Hội đồng tổ tụng	460.000.000
	- KP trang phục Trợ giúp viên	70.000.000
	- KP Hoạt động Trợ giúp pháp lý(thực hiện tổ tụng, TGPL ngoài trụ sở, truyền thông về TGPL như làm bảng thông tin, tờ gấp pháp luật, tuyên truyền trên website....)	3.763.000.000
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	81.000.000
	- KP sửa chữa xe ô tô	81.000.000
	- Kinh phí trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật	114.000.000
	- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi	80.000.000
	- Chương trình bình đẳng giới đến năm 2030	80.000.000

6	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo - Khoản 085	99.000.000
	- Tập huấn nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý (02 lớp)	99.000.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	